



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 827 /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP cho Trạm xử lý nước thải tập trung khu A của Khu công nghiệp Bàu Bàng và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) được xả nước thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung khu A của Khu công nghiệp Bàu Bàng (địa chỉ tại xã Lai Hưng và Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương) vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Bền Ván tại xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

2. Vị trí xả nước thải: Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°), như sau:

X: 1.243.609

Y: 674.864

3. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý tại module số 1 và module số 2 được xả vào mương quan trắc nước thải của từng module, sau đó dẫn vào đường ống xả vào hố ga



gom nước thải sau xử lý chung của 2 module. Nước thải từ hố ga tiếp chảy theo đường ống bê tông cốt thép xả ra suối Bến Ván theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8.000 m³/ngày đêm (không bao gồm nước thải của các cơ sở dệt nhuộm), trong đó:

- Từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 30/6/2019, được phép xả nước thải với lưu lượng lớn nhất là 4.000m³/ngày đêm từ module số 1 của Trạm xử lý nước thải tập trung khu A Khu công nghiệp Bàu Bàng.

- Từ ngày 01/7/2019 đến khi giấy phép hết hiệu lực, được phép xả nước thải với lưu lượng lớn nhất là 8.000m³/ngày đêm từ module số 1 và module số 2 của Trạm xử lý nước thải tập trung khu A Khu công nghiệp Bàu Bàng.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_r = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K = 1$. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giới hạn tối đa của thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	40,5
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,041
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,041
11	Crom (VI)	mg/l	0,041
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62

TT	Thông số		Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	
14	Kẽm		mg/l	2,43	
15	Niken		mg/l	0,162	
16	Mangan		mg/l	0,405	
17	Sắt		mg/l	0,81	
18	Tổng xianua		mg/l	0,057	
19	Tổng phenol		mg/l	0,081	
20	Tổng dầu mỡ khoáng		mg/l	4,05	
21	Sunfua		mg/l	0,162	
22	Florua		mg/l	4,05	
23	Amoni (tính theo N)	module 1	Từ ngày giấy phép có hiệu lực đến 30/6/2020	mg/l	4,05
			Từ ngày 01/7/2020 đến ngày giấy phép hết hiệu lực	mg/l	3,6
		module 2	Từ ngày 01/7/2019 đến ngày giấy phép hết hiệu lực	mg/l	3,6
24	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	module 1	Từ ngày giấy phép có hiệu lực đến 30/6/2020	mg/l	6
			Từ ngày 01/7/2020 đến ngày giấy phép hết hiệu lực	mg/l	5,4
		module 2	Từ ngày 01/7/2019 đến ngày giấy phép hết hiệu lực	mg/l	5,4
25	Tổng nitơ		mg/l	16,2	
26	Tổng phốt pho (tính theo P)		mg/l	3,24	
27	Clo dư		mg/l	0,81	
28	Clorua		mg/l	405	
29	Dầu mỡ động thực vật		mg/l	10	
30	Tổng chất rắn hòa tan		mg/l	500	

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
31	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
32	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải:

a) Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý nước thải như sau:

- Từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 30/6/2019, quan trắc tại mương quan trắc nước thải của module số 1 với các thông số: pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Độ màu và lưu lượng nước thải;

- Từ ngày 01/7/2019 đến ngày giấy phép hết hiệu lực, quan trắc tại mương quan trắc nước thải của module số 1 và module số 2 với các thông số: pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Độ màu, Amoni và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí mương quan trắc nước thải của module số 1 và module số 2 đối với các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.

4. Hoàn thành, đưa vào vận hành module số 2 với công suất 4.000 m³/ngày đêm trước ngày 01 tháng 7 năm 2019 và hoàn thành việc nâng cấp module số 1 với công suất 4.000 m³/ngày đêm trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 để bảo đảm xử lý các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị quan trắc tự động thông số Amoni đối với module số 1 và các thông số lưu lượng, pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni và Độ màu đối với module số 2 trước ngày 01 tháng 7 năm 2019.

Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành hồ để phòng ngừa, ứng phó sự cố số 1 với dung tích tối thiểu 4.000m³ trước ngày 01 tháng 12 năm 2019 và hồ để phòng ngừa, ứng phó sự cố số 2 với dung tích tối thiểu 4.000m³ trước ngày 01 tháng 12 năm 2020.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thu gom, xử lý và quản lý nước thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.

7. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Trạm xử lý nước thải tập trung khu A Khu công nghiệp Bàu Bàng gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định về báo cáo.

8. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép.

Điều 3. Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục thuế tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT-054.18) (02), TNN (02).

m 4

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

